

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 01 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng gia công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 01 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 148/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 143/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan E; Địa chỉ ấp B, xã L, huyện LM, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn H; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện LM, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê TL; Địa chỉ ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn K; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện LM, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Anh Nguyễn N; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện LM, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Ông Nguyễn Q; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện LM, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

5. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn chị Phan E (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Phan E trình bày: Vào ngày 14/8/2020, chị Phan E có ký hợp đồng với anh Nguyễn H để anh H xây nhà cho chị E. Ban đầu khi ký kết hợp đồng thì thỏa thuận là xây dựng nhà cấp B, diện tích xây dựng là 127,5m², tiền công là 980.000^d/m² đến khi xây dựng hoàn thiện hết căn nhà, tổng số tiền nếu thi công xong là 124.950.000^d, công việc thực hiện là xây, tô, lót và dán gạch tới la phong, vách ngăn hông cao 3,9m, vách ngăn phòng cao 3,6m. Ngày khởi công xây dựng là ngày 27/10/2020, đến ngày 11/01/2021 thì giao nhà.

Sau khi ký hợp đồng và thi công chị E có trả cho anh H nhiều lần với tổng số tiền chị E đã giao cho anh H là 121.000.000^d. Quá trình thi công chị E và anh H có thống nhất thỏa thuận bằng miệng thay đổi kết cấu nhà, đổ thêm trần nhà bằng bê tông thay cho lợp tôn như thỏa thuận ban đầu với giá mới là 1.565.000^d/m² với tổng số tiền khi hoàn công là 199.537.500m².

Ngày 19/12/2020 anh H tiến hành đổ trần nhà, đến ngày 24/12/2020 con trai của anh H tên là K có đến rút chống tăng xuống thì chị E không đồng ý vì hai bên có thỏa thuận ngày 09/01/2021 mới được rút chống tăng; Từ đó giữa chị E và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Ngày 13/12/2020 anh H có đến nhà chị E nói là làm nhà cho chị áp lực quá, nên dọn tất cả đồ nghề ra về chỉ chừa lại phần chống tăng đỡ trần nhà và kêu chị thuê thợ khác tiếp tục làm, khi nào xong thì sẽ tính toán lại với chị, nên chị cũng đồng ý. Khi đó chị E có nói anh H giao lại cho chị 30.000.000 đồng để chị thuê thợ khác làm thì anh H không đồng ý. Công việc còn lại là anh H chưa xong gồm: Chưa xây xong phần nhà tắm, cầu thang, phần chữ A mặt tiền, phần mặt tiền, phần lót gạch, chưa dán tường, chưa tô tường, tô trần nhà.

Chị E cho rằng phải thuê thợ khác để tiếp tục xây dựng hoàn thiện căn nhà chị E tính phần chi phí phát sinh như sau: = (980.000^d/m² (Phần anh H lãnh) +

950.000^d/m² (Phần thuê thợ mới)) – 1.565.000^d (Phần thay đổi kết cấu khi thỏa thuận với anh H uyển) = 365.000^d (Phần chênh lệch phát sinh) x 127,5m² (Diện tích nhà) = 46.537.000^d. Theo đơn khởi kiện chị E yêu cầu số tiền 30.000.000^d sau đó tính toán lại và thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc anh H trả số tiền là 46.537.000^d.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn H trình bày: Trước đây anh H có thỏa thuận xây nhà cho chị Phan E nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể. Ban đầu thỏa thuận là xây nhà cấp B, mái lợp tôn, diện tích xây dựng là 127,5m², tiền công xây dựng là 980.000^d/m². Công việc thực hiện là xây, tô, lát gạch nền, dán gạch tới la phong, lợp tôn, còn phần la phong thì chủ nhà tự đóng. Theo hợp đồng thì đến ngày 11/01/2021 giao nhà.

Quá trình thi công, sau khi đổ cừ bê tông, đóng cừ, thực hiện xong phần nền nhà thì phía chị E thay đổi kết cấu nhà từ mái lợp tôn thành đổ trần bê tông, các hạn mục khác giữ nguyên như hợp đồng ban đầu nhưng giá trị thay đổi phần tiền công xây dựng là 1.565.000^d/m² x 127,5m² = 199.537.500m². Ngày 19/12/2020, anh H đổ xong phần trần nhà vợ chồng chị E có nói là sắp xếp đến ngày ngày 01/01/2021 để cho vợ chồng chị E vào ở lấy ngày; Để tranh thủ thời gian, nên ngày 12/12/2020 anh H có kêu con tên K đến để gỡ 11 cây chống tăng gần tường của phòng ngủ để tiến hành tô phần tường cho kịp ngày chị E vào ở. Nhưng chị E ngăn cản không cho làm nên K ngưng lại.

Ngày ngày 13/12/2020 anh H có đến nhà chị E, do chị E không cho làm nữa anh dọn đồ nghề đi làm cho công trình khác, đến ngày 09/01/2021 và để trần khô thì anh sẽ quay lại làm tiếp. Tuy nhiên, đến ngày 10/01/2021 khi anh H quay lại tháo chống tăng để tiếp tục làm thì chị E đã thuê người khác tiếp tục xây dựng phần trên của trần nhà lên thêm một tầng nữa.

Anh H cho rằng chị E không cho anh H tháo chống tăng để thi công, nhưng lại thuê người khác thi công không thông báo cho anh H biết. Phần thỏa thuận thi công của anh là từ trần nhà trở xuống và anh H có nói là E nếu không đồng ý thợ của anh xây anh sẽ thay đổi thợ khác nhưng chị E vẫn không đồng ý; Theo anh H số tiền chị E trả cho anh 121.000.000^d chưa đủ số tiền thực tế khối lượng công trình anh đã thực hiện xong, nên không đồng ý trả 46.537.000^d theo yêu cầu của chị E.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê TL trình bày: Trước đây anh có nhận xây nhà cho chị E vào thời gian gần Tết nguyên đán năm 2021. Giá 950.000^d/m². Các công việc phải làm như chị E đã liệt kê. Đối với căn phòng ở phần trên thì anh nhận thi công với giá 50.000.000^d.

Khi anh đến xây nhà cho chị E thì anh không biết và không có gặp anh H uyên. Sau khi xây xong nhà thì chị E đã thanh toán đủ số tiền cho anh Lăm. Trong vụ kiện này anh không có yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan E đối với bị đơn anh Nguyễn H về việc yêu cầu anh H trả số tiền là 46.537.000^d (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn chị Phan E có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang. Buộc bị đơn Nguyễn H trả số tiền là 46.537.000^d.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Phan E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng số tiền 46.537.000^d là khoản tiền chênh lệch sau khi tính 2 bản giá của ban đầu của anh H và giá của anh Lăm trừ với thỏa thuận 1.565.000^d/m² là số tiền chị yêu cầu anh H trả vì cho rằng anh H là người có lỗi. Anh H không đồng ý và cho rằng, anh không có lỗi, vì để thực hiện theo ý chủ nhà sớm vào ở lấy ngày, nên anh có kêu con anh rút một số chống tăng trong phòng để hoàn thiện, nhưng chị E không cho nên anh phải chờ khô và khi quay lại tiếp tục làm chị E thuê người khác không báo với anh, nên anh thấy mình không có lỗi, khối lượng công trình theo anh H cho rằng là đã thực hiện nhiều hơn khoản tiền chị E trả cho anh, nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đối chiếu theo hợp đồng mà chị E cung cấp thì các bên thỏa thuận giá là 980.000^d/m², nhưng do thay đổi kết cấu có đồ phần trần nhà nên các bên có thỏa thuận lại giá là 1.565.000^d/m². Nếu công trình hoàn thành thì tổng số tiền chị E phải trả cho anh H là 200.537.500^d (Trong quá trình thi công có thỏa thuận tăng thêm 1.000.000^d). Chị E đã trả cho anh H 121.000.000^d, số tiền còn lại khi anh H phải hoàn thành công trình xây dựng là 79.537.500^d. Nhưng chỉ vì không thống nhất thời gian gỡ chống tăng mà phát sinh mâu thuẫn; Mâu thuẫn chưa giải quyết, cũng chưa đến ngày gỡ chống tăng thì chị E đã chủ động thuê người khác và

làm không báo cho anh H và cũng không thỏa thuận giữa 03 bên về giá cả, chưa chốt lại các công trình đã hoàn thiện và chưa hoàn thiện; chị E lấy giá mà chị và anh Lăm tự thỏa thuận để cộng vào khoản tiền thỏa thuận của anh H sau đó khấu trừ tính giá trị chênh lệch là không có căn cứ. Do đó kháng cáo của chị E không đủ cơ sở để chấp nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 27/10/2020 chị E ký kết hợp đồng gia công với anh H xây dựng nhà cấp B, diện tích xây dựng là 127,5m², tiền công là 980.000^d/m². Sau khi khởi công xây dựng thì giữa hai bên có thống nhất thỏa thuận miệng thay đổi kết cấu đổ trần nhà bằng bê tông thay cho giao kết trước đó là lợp tôn; với giá trị thay đổi là 1.565.000^d/m², số tiền sau khi hoàn thành là 200.537.500^d (Trong quá trình thi công có thỏa thuận tăng thêm 1.000.000^d), các phần khác vẫn giữ nguyên.

[2] Nguyên đơn cho rằng, bị đơn chưa thi công xong gồm: Chưa xây xong phần nhà tắm, cầu thang, phần chữ A, phần mặt dựng trước, phần lót gạch, chưa dán tường, chưa tô tường, tô trần nhà. Bị đơn thì cho rằng, đã thực hiện xong phần cơ bản như, đổ móng cừ bê tông, làm xong phần nền nhà, đổ trần bê tông, xây xong phần chữ A; Phần từ trần lên xây dựng, 0,8m và chỉ còn lót gạch và tô; Đối với phần cầu thang chị E định làm bên ngoài để đi lên anh H không có thỏa thuận nhận thi công. Nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng mâu thuẫn với nhau chỉ vì thời gian gỡ chống tăng đỡ trần nhà. Chị E thì cho rằng chưa tới ngày thỏa thuận gỡ chị không cho nên mâu thuẫn, anh H nói làm áp lực quá và kêu chị thuê thợ khác. Anh H thì cho rằng, để thực hiện theo ý chủ nhà anh chỉ gỡ những phần không ảnh hưởng để hoàn thiện phòng cho chị E vô ở lấy ngày, chị E không cho anh vẫn để chống tăng ở đó khi đủ ngày anh cùng thợ quay lại làm thì Chị E đã thuê thợ khác đóng cửa không cho anh vào làm; anh không nói việc kêu chị E thuê thợ khác.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị E cho rằng anh H có lỗi chấm dứt hợp đồng và nhận tiền vượt quá khối lượng công việc thực hiện thì phải có trách nhiệm trả lại tiền theo nguyên đơn tự tính là 46.537.000^d. Anh H thì cho rằng anh không có lỗi và khối lượng công trình anh thực hiện lớn hơn số tiền chị E trả cho anh H uyển, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không thể tiếp tục gia công xây dựng là do, chị E không cho anh H gỡ chống tăng đỡ trần trước ngày thỏa thuận. Lẽ ra sự việc chỉ dừng cho đến khi đủ ngày thì sẽ tiếp tục công trình, nguyên đơn cho rằng bị đơn bỏ ngang công việc và kêu chị thuê thợ khác, sự việc này không được anh H thừa nhận, chị E cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh anh H từ chối tiếp tục xây dựng và kêu chị thuê người khác, nên không có căn cứ anh H có lỗi trong sự việc này.

[5] Xét lỗi vi phạm giao kết: Công trình giữa chị và anh H đã được giao kết và đang trong giai đoạn thực hiện, lẽ ra nếu anh H không tiếp tục công việc thì giữa hai bên phải có biên bản thống nhất việc chấm dứt việc thực hiện và xác định khối lượng hoàn thành, khối lượng còn lại để giải quyết các vấn đề tiếp theo hoặc phải có người làm chứng, hoặc báo với chính quyền địa làm biên bản. Trong vụ án này theo như chị E trình bày chưa đến ngày gỡ chống tăng trần nhà nhưng anh H kêu người đến gỡ sớm hơn so với thỏa thuận nhưng chị E không cho, nên chưa phát sinh lỗi, do đó chị cho rằng anh H có lỗi là không đúng; Anh H là người nhận thi công anh H sẽ có trách nhiệm với sản phẩm mình gia công đạt hay không đạt chất lượng và phải chịu hậu quả nếu sản phẩm hoàn thiện có lỗi gây thiệt hại; tính đến khi xét xử phúc thẩm chị E cũng chưa chứng minh anh H xây nhà không đạt hiệu quả do hai bên cam kết. Khi chưa chứng minh được lỗi của anh H thì chị E đã hợp đồng thuê thợ khác với giá chưa được anh H thống nhất; Tại phiên tòa chị E cho rằng anh H kêu chị thuê thợ khác trong khi anh H không thừa nhận và anh H cùng những người thợ làm chứng cho rằng họ có trở lại làm nhưng chị E không cho làm, điều này chị E cũng thừa nhận tại phiên tòa. Từ cơ sở như trên cho thấy chị E là người có lỗi theo hợp đồng với anh H uyển.

[6] Xét cách tính chênh lệch để nguyên đơn yêu cầu: Chị E cho rằng phải thuê thợ khác để tiếp tục xây dựng hoàn thiện căn nhà với giá $950.000^d/m^2$ của tổng diện tích xây dựng $127,5m^2$ và tự tính khoảng tiền chênh lệch là $(980.000^d/m^2$ (Phần anh H hợp đồng) + $950.000^d/m^2$ (Phần thuê thợ mới)) – $1.565.000^d$ (Phần thay đổi kết cấu khi thỏa thuận với anh H uyển) = 365.000^d (Phần chênh lệch phát sinh) x $127,5m^2$ (Diện tích nhà) = $46.537.000^d$. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi việc rút chống tăng không thống nhất thì nguyên đơn đã chủ động chấm dứt giao kết với anh H mà chưa thống nhất phần đã hoàn thiện và phần chưa hoàn thiện chưa đến ngày 09/01/2021 là đủ này thỏa thuận rút chống tăng, nhưng chị E tự thuê thợ khác vô làm phần còn lại và tự thỏa thuận giá $950.000^d/m^2$ gần bằng mức giá tính luôn cả phần công việc mà anh H đã làm

mà thợ mới được hưởng sau đó tính chênh lệch để khấu trừ lại là không hợp lý, nên không có căn cứ chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chỉ E cùng thống nhất theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận giá là 980.000^d/m², nhưng do thay đổi kết cấu có đổ phần trần nhà nên các bên có thỏa thuận lại giá là 1.565.000^d/m². Nếu công trình hoàn thành thì tổng số tiền chỉ E phải trả cho anh H là 200.537.500^d (Trong quá trình thi công có thỏa thuận tăng thêm 1.000.000^d). Chỉ E đã trả cho anh H 121.000.000^d, số Anh H đã thực hiện các khâu chính gồm: Đổ móng cừ bê tông, làm xong phần nền nhà, đổ trần đổ bê tông, xây xong phần chữ A. Đối chiếu khối lượng công việc mặt dù hai bên không làm biên bản nhưng theo lời khai các bên cung cấp cũng như bản ảnh lưu trong hồ sơ cho thấy anh H làm các phần cơ bản, thợ mới chỉ làm các phần hoàn thiện nhưng nguyên đơn thỏa thuận giá trị gần bằng mức giá bị đơn nhận ban đầu để buộc trả tiền chênh lệch là không hợp lý.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 542, Điều 544, Điều 545, Điều 546, Điều 547 và Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Phan E.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 30/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn chị Phan E phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007030 ngày 11 tháng 7 năm 2023, của Chi Cục Thi hành huyện LM, tỉnh Hậu Giang thành án phí.
4. Những nhận định và quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp

luật theo quyết định bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang đã tuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện LM;
- Chi cục THADS huyện LM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải